BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2006

REE®
Corporation

ANNUAL REPORT 2006

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Sơ lược về công ty

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh được thành lập từ năm 1977 với tên gọi ban đầu là Xí nghiệp Quốc doanh Cơ Điện Lạnh, thuộc sở hữu Nhà nước. Năm 1993, Xí nghiệp được cổ phần hóa chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh-REE và hoạt động đến nay.

Vốn đăng ký: 339.056.530.000 đồng

Niêm yết cổ phiếu tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng chứng khoán đang lưu hành: 33.723.684 cổ phiếu phổ thông.

Mã chứng khoán: REE

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Hoạt động kinh doanh chính

- Dịch vụ cơ điện cho các công trình công nghiệp, thương mại và dân dụng;
- Sản xuất máy điều hòa không khí, sản phẩm gia dụng, tủ điện và sản phẩm cơ khí công nghiệp;
- Phát triển và khai thác bất động sản;
- Đầu tư chiến lược.

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quí vị,

Hội Đồng Quản Trị đã cam kết một kế hoạch 3 năm từ 2004 đến 2006, trong đó lấy tiêu chí phát triển 04 mảng hoạt động chính làm chiến lược cho sự phát triển bền vững lâu dài:

- Dịch vụ Cơ Điện M&E;
- Sản xuất, lắp ráp, kinh doanh các sản phẩm: Điều hòa không khí, tủ điện, thiết bị điện và cơ khí công nghiệp;
- Bất động sản;
- Đầu tư chiến lược.

Trong đó phát triển sản phẩm, thương hiệu, thị phần được chú trọng, và kết quả đạt được cuối cùng phải là một con số cụ thể và đó là lợi nhuận đạt được và giá trị gia tăng cho cổ đông. Qua 3 năm 2004, 2005 và 2006, với nỗ lực của Ban lãnh đạo và nhân viên, Công ty chúng ta đã hoàn thành tốt kế hoạch lợi nhuận do cổ đông đề ra. Công ty đã duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên mức 25%/ năm. Đây là tốc độ tăng trưởng khá cao so với tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam (bình quân 8%), điều này chứng tỏ ngành hoạt động của REE vẫn còn rất nhiều cơ hội gặt hái lợi nhuận. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế 3 năm 2004, 2005 và 2006 là 60 tỉ, 78 tỉ và 140 tỉ đồng, Công ty đã thực hiện tương ứng là 65 tỉ, 81 tỉ và 299 tỉ đồng.

Trong giai đoạn kế tiếp từ năm 2007 đến 2010, Hội Đồng Quản Trị đã định hướng tiếp tục phát triển 4 mảng hoạt động nêu trên đồng thời sẽ thêm mảng hoạt động mới là đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong ngành Điện và Nước. Như vậy trong giai đoạn từ 2007 đến 2010, REE sẽ có 5 mảng hoạt động:

- Dịch vụ Cơ Điện M&E;
- Sản xuất, lắp ráp, kinh doanh các sản phẩm: Điều hòa không khí, tủ điện, thiết bị điện và cơ khí công nghiệp;
- Bất động sản;
- Đầu tư chiến lược;
- Hạ tầng: Điện, Nước.

Đồng thời trong giai đoạn 2007-2010, Hội Đồng Quản Trị cũng đặt ra mục tiêu về lợi nhuận tương ứng 340 tỷ, 470 tỷ, 650 tỷ và 900 tỷ đồng. Các chỉ tiêu kế hoạch này dựa trên các nguồn lực REE đang có và liên tục phát triển để tận dụng hết các cơ hội của đất nước khi Việt Nam hòa nhập chung với ngôi nhà thế giới trong giao thương quốc tế. Bên cạnh đó, với tốc độ phát triển cũng như năng lực hiện có của Công ty chúng ta, dự kiến đến năm 2010 vốn điều lệ sẽ tăng lên 2.000 tỷ đồng (gấp 5 lần so với hiện nay).

Nền kinh tế Việt Nam chúng ta đang tăng trưởng tốt và đang trong quá trình hòa nhập vào cộng đồng kinh tế thế giới. Với bối cảnh tích cực của Việt Nam, là một thành viên trong nền kinh tế, Công ty hy vọng sẽ tiếp tục mang đến cho quí vị cổ đông, các nhà đầu tư nhiều giá trị mới tốt đẹp hơn.

Đại diện cho Công ty, tôi xin cảm ơn sự tín nhiệm của các cổ đông đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.

Đại diện cho cổ đông, các nhà đầu tư và Hội Đồng Quản Trị công ty, tôi xin cám ơn đội ngũ nhân viên REE về sự nỗ lực liên tục đóng góp công sức vào sự phát triển của Công ty.

Tôi cũng xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của các cơ quan hữu quan không chỉ hỗ trợ cho REE mà cho tất cả các doanh nghiệp có một sân chơi bình đẳng để phát triển.

Kính chúc Quí vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Nguyễn Thị Mai Thanh
Chủ tịch hội đồng quản trị

THỐNG KÊ TÀI CHÍNH

Nội dung kết quả kinh doanh 3 năm gần nhất (theo số liệu báo cáo hợp nhất)
Tài khoá kết thúc 31/12

ĐVT: 1.000 đồng	2004	2005	2006
Doanh thu thuần	363.812.072	387.356.933	824.140.884
Lợi nhuận trước thuế	64.749.534	80.971.554	298.999.560
Lợi nhuận sau thuế	56.263.646	67.848.835	222.430.348
Tổng tài sản	520.947.896	833.702.724	1.512.615.129
Nguồn vốn chủ sở hữu	308.802.102	512.223.469	1.084.565.531

DOANH THU

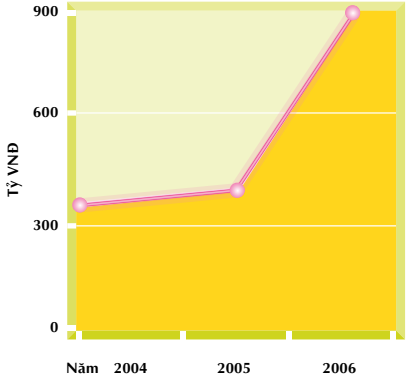

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

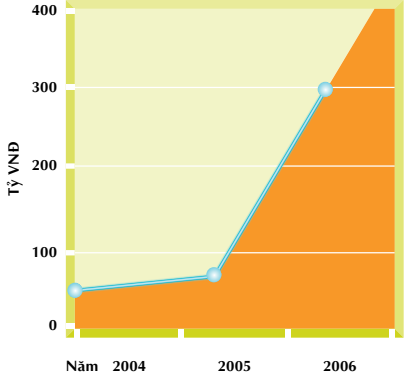

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

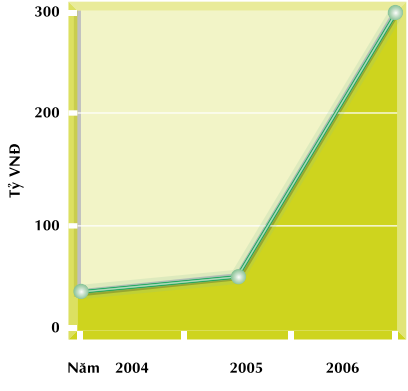

TỔNG TÀI SẢN

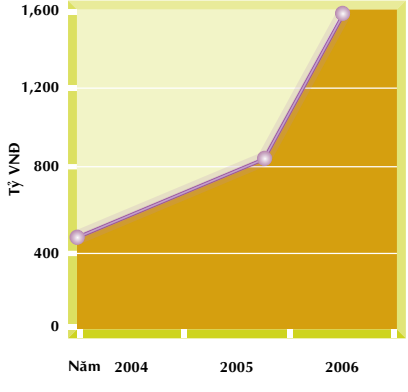

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

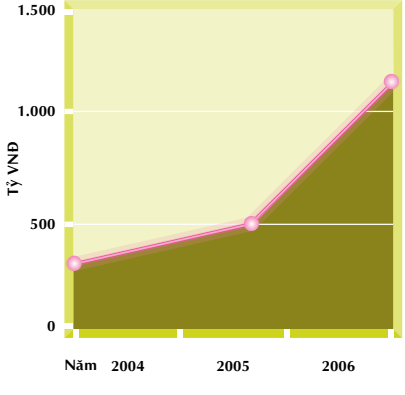

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng	2004	2005	2006
Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	22.500.000	28.174.274	33.723.684
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (VNĐ)	2.501	2.842	7.624

Kết quả

Hòa cùng với sự phát triển chung của đất nước, năm 2006 được đánh giá là một năm thành công vượt bậc ở tất cả các mặt kinh doanh của nhóm Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh - REE Corp. Toàn nhóm Công ty REE đã thực hiện được 824,14 tỷ đồng doanh thu đạt tỷ lệ 105,64% kế hoạch doanh thu năm 2006 được Đại Hội Cổ Đông thông qua; đạt được mức lợi nhuận trước thuế TNDN là 298,99 tỷ đồng bằng 213,56% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2006 và tăng hơn gấp ba lần so với năm 2005.

- Doanh thu thực hiện năm 2006: 824,14 tỷ đồng đạt 105,64% kế hoạch năm (780 tỷ đồng) và bằng 212,76% so với năm 2005 (387,35 tỷ đồng).
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2006: 298,99 tỷ đồng đạt 213,56% kế hoạch năm (140 tỷ đồng) và bằng 369,26% so với năm 2005 (80,97 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2006: 222,43 tỷ đồng bằng 327,82% so với năm 2005 (67,85 tỷ đồng).

Kết quả kinh doanh nêu trên được hợp nhất của nhóm Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh, bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (Công ty "mẹ") - REE
- Các Công ty thành viên (các Công ty "con"):

  Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E – vốn điều lệ 50 tỷ đồng, REE sở hữu 100% vốn;

  Công ty TNHH Điện Máy R.E.E – vốn điều lệ 40 tỷ đồng, REE sở hữu 100% vốn;

  Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh – vốn điều lệ 5 tỷ đồng, REE sở hữu 93,16% vốn;

  Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất Động Sản R.E.E – vốn điều lệ 1 tỷ đồng, REE sở hữu 100% vốn;

  Công ty Cổ phần Bất Động Sản R.E.E – vốn điều lệ 100 tỷ đồng. REE sở hữu 70% vốn.

Cổ tức

Năm 2006, Công ty phân phối cổ tức cho cổ đông với mức 1.600 đồng trên 1 cổ phần và được chi trả bằng tiền.

Chương trình cổ phiếu thưởng nhân viên – ESOP

Nguồn nhân lực là một trong những nguồn vốn chính yếu đóng góp vào sự phát triển bền vững của Công ty. Để tăng cường và duy trì ổn định nguồn nhân lực, ngoài các hình thức thưởng khuyến khích và các phúc lợi cho nhân viên đã được duy trì và phát triển hàng năm, Đại Hội Cổ Đông thường niên được tổ chức ngày 27 tháng 03 năm 2004 đã phê chuẩn triển khai "Chương trình cổ phiếu thưởng nhân viên - ESOP". Chương trình cổ phiếu thưởng nhân viên - ESOP được đưa ra nhằm tạo điều kiện cho các nhân viên cùng chia sẻ sự phát triển và sự thành công của Công ty thông qua việc hưởng cổ tức từ cổ phiếu thưởng và cơ hội được sở hữu cổ phần công ty. Các cổ phiếu ưu đãi ESOP thưởng cho nhân viên sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông vào đầu năm 2009 theo tỷ lệ chuyển đổi 1:1.

Việc công ty sẽ phát hành cổ phiếu ưu đãi theo "Chương trình cổ phiếu thưởng nhân viên - ESOP" đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận thông qua Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 04/UBCK-ĐKPH ngày 19/10/2004.

Qua kết quả kinh doanh năm 2006, Hội đồng quản trị đã quyết định khen thưởng 90.950 cổ phiếu ưu đãi ESOP cho 107 nhân viên đã có những thành tích xuất sắc đóng góp vào hoạt động sản xuất – kinh doanh và phát triển của nhóm Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh trong năm 2006.

Phát hành cổ phiếu mới huy động vốn

Trong năm, vào tháng 6/2006 Công ty đã tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản một số vấn đề về phát triển Công ty, theo đó Cổ đông đã thông qua và chấp thuận Công ty phát hành thêm 10 triệu cổ phiếu để tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kinh doanh của Công ty. Kết quả phát hành như sau:

- **Giai đoạn 1**: phát hành 5.549.410 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trước (theo hình thức thực hiện quyền với tỷ lệ 5:1), tổng số tiền thu được là 391.233.405.000 đồng. Đợt phát hành này hoàn tất vào ngày 14/12/2006.
- **Giai đoạn 2**: phát hành tiếp 4.450.590 cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này là 912.077.970.000 đồng. Cổ phiếu phát hành giai đoạn 2 được niêm yết và giao dịch tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM vào ngày 16/03/2007.

Đánh giá các hoạt động kinh doanh trong năm

Với chính sách phát triển bền vững, năm 2006, Công ty vẫn tập trung vào 4 hoạt động kinh doanh chính:

- Dịch vụ cơ điện M&E cho các công trình công nghiệp, thương mại và dân dụng;
- Sản xuất, lắp ráp máy điều hòa không khí, sản phẩm gia dụng, tủ điện và sản phẩm cơ khí công nghiệp;
- Phát triển và khai thác kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư chiến lược.

Hoạt động Dịch vụ cơ điện (M&E)

Hoạt động M&E trong năm 2006 đánh dấu một sự nhảy vọt và lần đầu tiên trong 05 năm trở lại đây, M&E đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận của Công ty giao trong năm 2006.

Doanh thu: 545 tỷ đồng

Lợi nhuận: 54,5 tỷ đồng

Nổi bật nhất của hoạt động M&E trong năm 2006 là đã hoàn thành việc thi công, nghiệm thu khối lượng lắp đặt trọn vẹn cho công trình Trung Tâm Hội Nghị Quốc Gia (NCC), một công trình trọng điểm của Quốc gia và nhà thầu REE đã được hội đồng nghiệm thu cấp quốc gia đánh giá là một trong những nhà thầu thi công đạt chất lượng cao.

Riêng công trình NCC giá trị ghi nhận doanh thu trong năm 2006 là 230 tỷ đồng chiếm 45% trong tổng doanh thu của M&E và công trình này đã đóng góp

một lợi nhuận tương đối tốt trong tổng lợi nhuận trước thuế năm 2006 của hoạt động kinh doanh M&E.

Các công trình nổi bật M&E đã trúng thầu trong năm 2006: VTV (hệ cơ giá trị tương đương 13 triệu USD), Trung tâm thương mại dầu khí Hà Nội (hệ cơ điện giá trị 141 tỷ đồng), Cao ốc thương mại Hùng Vương Plaza (hệ cơ giá trị tương đương 97 tỷ đồng), Khu căn hộ cao cấp Sài Gòn Pearl (hệ điện và nước tương đương 6,4 triệu USD), Cao ốc Sacombank (hệ cơ điện giá trị 45 tỷ đồng), các công trình này đều có thời gian thực hiện từ 18-24 tháng.

Tổng giá trị hợp đồng ký được trong năm 2006 là 723 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất lắp ráp và kinh doanh các sản phẩm mang thương hiệu Reetech

Khối kinh doanh Reetech chính thức hoạt động độc lập từ ngày 01/01/2006 với tên pháp nhân là Công ty TNHH Điện máy R.E.E. Kết quả hoạt động trong năm đầu tiên hoạt động độc lập đánh dấu một sự nỗ lực vượt bậc của đội ngũ lãnh đạo và toàn thể nhân viên của Công ty Điện Máy R.E.E, tuy doanh thu thực hiện đạt 155 tỷ đồng chỉ bằng 77,64% kế hoạch năm 2006 nhưng lợi nhuận thực tế trước thuế TNDN đã đạt được 20,1 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch do Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh đề ra.

Mặc dù thị trường trong năm 2006 về lĩnh vực máy điều hòa nhiệt độ có sự cạnh tranh hết sức khốc liệt khi lộ trình cắt giảm thuế quan AFTA đã có hiệu lực toàn diện, người tiêu dùng có tâm lý chờ đợi các đợt giảm giá đột biến khi Việt Nam gia nhập WTO, cho nên sản lượng tiêu thụ máy điều hòa nhiệt độ Reetech của năm 2006 có phần giảm sút so với năm 2005. Để bù đắp vào khoản giảm sút này thì mảng công trình, dự án sử dụng các hệ thống Chiller, RMV gia tăng đáng kể, doanh thu thực hiện cho các dự án có sử dụng hệ thống Chiller, RMV trong năm 2006 tăng hơn gấp hai lần so với năm 2005. Tuy số lượng máy điều hoà nhiệt độ tiêu thụ trong năm 2006 có giảm so với năm 2005 nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn tăng hơn 30% so với năm 2005 là do Công ty Điện Máy R.E.E đã triển khai nhiều biện pháp để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Về phương diện mở rộng thị trường, nâng cao giá trị thương hiệu, Công ty Điện Máy R.E.E đã có một số thành công trong việc phối hợp với các trung tâm phân phối, siêu thị điện máy lớn tạo ra các chương trình khuyến mãi, hỗ trợ người tiêu dùng cho nên đã đưa thương hiệu Reetech đến gần với người tiêu dùng hơn. Kết quả là sản phẩm Reetech đã được người tiêu dùng bình chọn là "Hàng Việt Nam chất lượng cao", đồng thời cũng nhận được cúp vàng "Thương hiệu mạnh" cho hàng Việt Nam.

Với xu thế hội nhập, trong tương lai chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty Điện Máy R.E.E chủ yếu tập trung vào phát triển thương hiệu, mở rộng mạng lưới phân phối bán sỉ và bán lẻ không chỉ ở các thành phố lớn (Tp. HCM, Cần Thơ, Đà Nẵng,...) mà sẽ mở rộng ra các khu vực, vùng trong cả nước. Về sản xuất sẽ tập trung vào các sản phẩm kỹ thuật cao như AHU, tạo một lợi thế cạnh mới đối với sản phẩm Reetech ở thị trường trong nước trong các dự án dược phẩm, cao ốc văn phòng và hạ tầng.

Hoạt động kinh doanh Bất động sản

Hoạt động kinh doanh bất động sản – cao ốc văn phòng cho thuê với 5 tòa nhà đều được khai thác hết 100% công suất cho thuê:

- etown
- etown e.w
- 366 Nguyễn Trãi
- 163 Hai Bà Trưng
- 180 Pasteur

Tất cả các cao ốc đang hoạt động đều có lãi, và có tỷ lệ cho thuê đạt 100% công suất cho thuê. Các hợp đồng khách thuê đều còn trong hạn từ 2 đến 3 năm.

Doanh thu 2006: 108 tỷ đồng

Lợi nhuận 2006: 65 tỷ đồng

Để chuẩn bị cho cao ốc etown 2 sẽ đi vào hoạt động vào tháng 03 năm 2007, việc triển khai tiếp thị, tìm kiếm khách hàng tiềm năng đã được công ty tư vấn quản lý bất động sản Colliers kết hợp cùng bộ phận Kinh doanh của Công ty Quản lý và Khai thác Bất Động Sản R.E.E thực hiện từ rất sớm. Tính đến 31/12/2006, đã có 25 khách hàng ký hợp đồng hoặc xác nhận thuê với diện tích cho thuê 15.465 m^2 chiếm tỷ lệ 58% tổng diện tích cho thuê của etown 2.

Công ty cũng đã thành lập một Công ty thành viên mới nhằm chuyên môn hóa và phát triển mở rộng hoạt động kinh doanh bất động sản. Công ty thành viên mới có tên là Công ty Cổ phần Bất Động Sản R.E.E (REE Land Corp.) được thành lập vào tháng 05/2006.

Đầu tư chiến lược

Tại thời điểm 31/12/2006, tổng danh mục đầu tư chiến lược của Công ty có 15 loại cổ phiếu, trái phiếu các loại với giá trị đầu tư là 342 tỷ đồng (giá thị trường tại ngày 29/12/2006 tương đương 1.200 tỷ đồng). Ngoài ra trong danh mục đầu tư chiến lược, Công ty còn đầu tư trực tiếp thông qua góp vốn thành lập các công ty con và các công ty liên kết là 193 tỷ đồng.

Năm 2006, hoạt động đầu tư chiến lược đóng góp 149,2 tỷ đồng (chiếm 50% tổng lợi nhuận trước thuế TNDN của toàn nhóm REE Corp.).

Nhiệm vụ và định hướng cho năm 2007

Hoạt động M&E:

Tiếp tục phát triển dịch vụ M&E, mở rộng sang cung cấp công nghệ:

- Tăng cường các giải pháp quản trị, quản lý tiên tiến trong việc thực hiện hợp đồng.
- Nghiên cứu, cung cấp các giải pháp về công nghệ và qui trình sản xuất (Process).
- Mục tiêu cần phải đạt tới là trở thành Tổng thầu cho các dự án lớn: điện, nước...

Hoạt động Sản xuất và kinh doanh sản phẩm Reetech:

- Tiếp tục cũng cố uy tín thương hiệu riêng (Reetech): giá cả cạnh tranh, chất lượng ổn định và tin cậy.
- Tìm kiếm các nhà sản xuất lớn có vật tư, linh kiện đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Công ty, giá thành phù hợp.
- Triển khai xây dựng mạng lưới phân phối + dịch vụ hậu mãi dày và rộng hơn trên quy mô toàn quốc.

Hoạt động Bất động sản

Tiếp tục duy trì khai thác kinh doanh các bất động sản hiện có. Liên kết – liên doanh với các đối tác khác cùng phát triển các dự án mới.

- Văn phòng cho thuê: năm 2007 sẽ có tổng cộng 70.000 m^2 diện tích văn phòng cho thuê, và kế hoạch sẽ bổ sung hàng năm khoảng 30.000m^2.
- Căn hộ và diện tích thương mại: dự kiến đến năm 2009 có khoảng 50.000m^2, và từ năm 2010 là 100.000 m^2/năm.

Hoạt động đầu tư chiến lược

Quản lý tốt danh mục đầu tư và tìm kiếm các cơ hội đầu tư chiến lược với vốn đầu tư hợp lý, hoạt động này sẽ mang lại lợi nhuận đáng kể. Dự kiến Công ty có thể sử dụng đến mức 50% nguồn vốn cổ đông để đầu tư chiến lược, và góp vốn liên doanh, trong đó sẽ tập trung đáng kể vào ngành điện, bất động sản và hạ tầng.

Kết luận:

Qua xem xét từng hoạt động kinh doanh chủ yếu, nhóm Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh đã có sự tăng trưởng tốt trong năm 2006 theo đúng kế hoạch. Hội Đồng Quản Trị đăng ký với các cổ đông về chỉ tiêu kế hoạch 2007 như sau:

- Doanh thu thuần: 1.000 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 340 tỷ đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
Hội Đồng Quản Trị

Nguyễn Thị Mai Thanh
Chủ tịch hội đồng quản trị

ENVIRONMENT FOR GROWTH

364 Cong Hoa Street, Tan Binh District - Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: + 84 8 810 4462 - Fax: +84 8 810 6816
Email: sales@etown.com.vn - website: www.etown.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31-12-2006

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về doanh nghiệp

Giấy phép Kinh doanh

Số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993.

Giấy phép Kinh doanh do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh
Chủ tịch

Ông Dominic Scriven
Phó Chủ tịch

Bà Giao Thị Yến
Thành viên

Ông Don Lam
Thành viên

Ông Quách Vĩnh Bình
Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ông Quách Vĩnh Bình
Phó Tổng Giám đốc thường trực
(bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2007)

Ông Trần Văn Thành
Phó Tổng Giám đốc phụ trách xây dựng cơ bản
(bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2007)

Ông Lục Chánh Trường
Giám đốc Điều hành
(bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2007)

Trụ sở chính

364 Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam).

Trách nhiệm của hội đồng quản trị đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") và các công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty REE") tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán.
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng.
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Nhóm Công ty REE với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty REE và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và việc không tuân thủ các qui định khác.

Phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 11 đến trang 30. Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty REE tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thị Mai Thanh
Chủ tịch

Dominic Scriven
Phó chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

PRICEWATERHOUSECOOPERS

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi là "Nhóm Công ty REE") gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt nam và các qui định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính hợp nhất xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Hội đồng Quản trị đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty REE tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty REE trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chữ ký được ủy quyền

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM 1294
Ngày 16 tháng 3 năm 2007

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31.12.2006

ĐVT: 1.000 đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2006	2005
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**901.711.356**	**409.000.682**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**318.352.313**	**170.555.530**
111	Tiền		318.352.313	170.555.530
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4(a)**	**227.739.030**	**7.030.000**
121	Đầu tư ngắn hạn		232.739.030	10.780.000
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(5.000.000)	(3.750.000)
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**258.557.833**	**101.957.258**
131	Phải thu khách hàng		176.394.258	73.862.248
132	Trả trước cho người bán		3.916.469	12.359.030
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		81.159.189	14.104.805
135	Các khoản phải thu khác	5	10.203.324	14.636.735
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.115.407)	(13.005.560)
140	**Hàng tồn kho**	**6**	**96.625.596**	**129.235.531**
141	Hàng tồn kho		100.720.253	133.013.238
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.094.657)	(3.777.707)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**436.584**	**222.363**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		172.677	25.115
152	Thuế GTGT được khấu trừ		13.839	197.248
154	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	7	250.068	-
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**610.903.773**	**424.702.042**
220	**Tài sản cố định**		**180.886.422**	**61.519.567**
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	16.700.871	24.112.800
222	Nguyên giá		40.523.987	52.137.123
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.823.116)	(28.024.323)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	3.264.576	3.264.576
228	Nguyên giá		3.264.576	3.264.576
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**	**8(c)**	**160.920.975**	**34.142.191**
240	**Bất động sản đầu tư**	**9**	**204.301.061**	**185.619.941**
241	Nguyên giá		254.021.754	220.738.030
242	Giá trị hao mòn lũy kế		(49.720.693)	(35.118.089)
250	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**222.205.563**	**176.248.631**
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4(b)	10.029.040	6.879.044
258	Đầu tư dài hạn khác	4(c)	212.176.523	169.369.587
260	**Tài sản dài hạn khác**		**3.510.727**	**1.313.903**
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.085.267	103.869
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	1.167.635	-
268	Tài sản dài hạn khác		1.257.825	1.210.034
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.512.615.129**	**833.702.724**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31.12.2006

ĐVT: 1.000 đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2006	2005
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**427.248.228**	**321.067.012**
310	Nợ ngắn hạn		330.067.548	247.396.676
311	Vay và nợ ngắn hạn	10(a)	58.793.964	60.400.000
312	Phải trả người bán		76.888.225	61.091.103
313	Người mua trả tiền trước		92.401.736	106.045.974
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	52.692.268	7.728.362
315	Phải trả người lao động		3.630.068	1.324.141
316	Chi phí phải trả		171.426	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	44.515.838	10.113.191
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	11	974.023	693.905
330	**Nợ dài hạn**		**97.180.680**	**73.670.336**
333	Phải trả dài hạn khác		30.928.858	23.900.027
334	Vay và nợ dài hạn	10(b)	59.035.508	43.900.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		6.652.076	5.870.309
337	Dự phòng phải trả dài hạn	11	564.238	-
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.085.366.901**	**512.635.712**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**1.084.565.531**	**512.223.469**
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	338.043.430	282.155.240
412	Thặng dư vốn cổ phần	16	452.272.245	115.744.763
414	Cổ phiếu quỹ	16	(28.913)	(28.913)
417	Quỹ đầu tư phát triển	16	68.382.978	41.985.207
418	Quỹ dự phòng tài chính	16	19.326.824	16.155.372
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16	206.568.967	56.211.800
430	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**-**	**(158.692)**
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	-	(158.692)
500	**LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**28**	**801.370**	**570.935**
430	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.512.615.129**	**833.702.724**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31.12.2006

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ:

	NGOẠI TỆ CÁC LOẠI	2006	2005
	EUR	200.211	49
	USD	955.662	55.061
	SGD	-	303
	JPY	350.965.688	2.128.543

Hồ Trần Diệu Lynh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2007

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31.12.2006

ĐVT: 1.000 đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2006	2005
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		834.453.887	399.684.060
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(10.313.003)	(12.327.127)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**19(a)**	**824.140.884**	**387.356.933**
11	**Giá vốn hàng bán**	**20**	**(607.503.182)**	**(249.081.587)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**216.637.702**	**138.275.346**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	19(b)	154.935.523	18.282.645
22	Chi phí tài chính	21	(12.759.139)	(9.435.229)
24	Chi phí bán hàng		(10.677.797)	(12.116.600)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(51.322.094)	(48.384.772)
30	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**		**296.814.195**	**86.621.390**
40	**Thu nhập/(chi phí) khác**	**23**	**2.185.365**	**(5.649.836)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**298.999.560**	**80.971.554**
51	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**24**	**(77.637.339)**	**(12.971.427)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**14**	**1.167.635**	**-**
53	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**	**28**	**(99.508)**	**(151.292)**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**222.430.348**	**67.848.835**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (ĐVT: VNĐ)**	**18**	**7,624**	**2,842**

Hồ Trần Diệu Lynh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2007

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31.12.2006

(theo phương pháp gián tiếp)

ĐVT: 1.000 đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2006	2005
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**298.999.560**	**80.971.554**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		18.500.616	14.799.886
03	Các khoản dự phòng		1.676.795	4.136.108
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(142.091.820)	5.641.381
06	Chi phí lãi vay		10.856.483	7.552.690
07	Thu nhập lãi và cổ tức		(12.308.123)	(17.020.090)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**175.633.511**	**96.081.529**
09	Tăng các khoản phải thu		(156.445.706)	(12.754.548)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		32.292.989	(46.840.735)
11	Tăng các khoản phải trả		57.531.618	94.210.828
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước		(1.128.961)	640.591
13	Tiền lãi vay đã trả		(10.856.483)	(7.552.690)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(42.463.230)	(12.535.949)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		158.692	5.654
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.921.776)	(3.563.524)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**52.800.654**	**107.691.156**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(159.265.611)	(36.592.823)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.749.178	918.773
23	Tiền chi mua cổ phần của đơn vị khác		(320.826.742)	(104.529.400)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		194.970.439	8.280.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.141.303	12.515.584
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(277.231.433)**	**(119.407.866)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho niên độ kết thúc ngày 31.12.2006
(theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

ĐVT: 1.000 đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2005	2004
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		391.233.405	157.450.000
32	Tiền chi trả mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(28.913)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		134.602.452	45.353.123
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(121.072.980)	(31.080.463)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(39.322.968)	(18.027.482)
37	Lãi tiền gửi nhận được		6.787.653	4.504.506
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**372.227.562**	**158.170.771**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**147.796.783**	**146.454.061**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**3**	**170.555.530**	**24.101.469**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**318.352.313**	170.555.530

Các nghiệp vụ chủ yếu không dùng tiền trong năm bao gồm việc phát hành mới cổ phiếu theo Chương trình Cổ phiếu Thưởng cho Nhân viên (ESOP), theo đó chuyển 1.182.270.000 đồng Việt Nam từ quỹ khen thưởng và phúc lợi sang vốn góp của chủ sở hữu là 394.090.000 đồng Việt Nam và thặng dư vốn cổ phần là 788.180.000 Việt Nam đồng.

Hồ Trần Diệu Lynh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31.12.2006

1. Đặc điểm hoạt động của công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có cổ phiếu niêm yết chính thức trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty REE là thiết kế, chế tạo, lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, thiết bị thông tin gia dụng; sở hữu và cho thuê văn phòng; và đầu tư tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty có 1.220 nhân viên (năm 2005: 947 nhân viên).

2. Hệ thống kế toán và chính sách kế toán áp dụng

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Trong năm 2006, Nhóm Công ty REE đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam sau đây:

Chuẩn mực 18 : Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
Chuẩn mực 30 : Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các chuẩn mực mới này đưa đến các thuyết minh mới về các khoản dự phòng, nợ tiềm tàng và lãi trên cổ phiếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006.

Một vài số liệu so sánh năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành. Việc phân loại lại không làm ảnh hưởng đến số liệu lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu đã báo cáo trước đây.

2.2 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát bởi Nhóm Công ty REE trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Nhóm Công ty REE. Các công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh và báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất như sau ("Nhóm Công ty REE"):

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty mẹ (ĐVT: 1.000 đồng)		Tỉ lệ cổ phần do công ty mẹ nắm giữ (ĐVT: %)	
	2006	2005	2006	2005
Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh	4.454.716	4.454.716	93.16	93.16
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh REE	30.000.000	30.000.000	100	100
Công ty Khai thác và Quản lý Bất Động Sản REE	1.000.000	1.000.000	100	100
Công ty TNHH Điện Máy REE	40.000.000	-	100	-
Công ty Đầu tư Bất Động Sản REE	70.000.000	-	70	-

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Nhóm Công ty REE có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Nhóm Công ty REE đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và phần sở hữu các khoản tăng giảm của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận trong quỹ dự trữ. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất được thể hiện bằng ngàn đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty REE sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài chính.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hoặc xây dựng tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ hàng năm như sau:

Nhà và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Nhà xưởng và máy móc thiết bị	7 năm
Xe cộ	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Tài sản khác	4 năm

Quyền Sử dụng Đất được ghi nhận theo giá gốc là giá trị được định giá tại thời điểm cổ phần hóa Công ty. Quyền Sử dụng Đất được cấp cho thời hạn không xác định, do đó được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

2.11 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là bất động sản gồm nhà hoặc một phần của nhà, cơ sở hạ tầng được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư được trình bày theo giá gốc trừ đi khấu hao lũy kế. Giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hoặc xây dựng các bất động sản.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ hàng năm như sau:

Tòa nhà và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị đi kèm	5 - 7 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.13 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã trừ đi thuế giá trị gia tăng (GTGT).

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Doanh thu từ các hợp đồng cung cấp và lắp đặt ("Hợp đồng M&E")

Doanh thu từ các hợp đồng cung cấp và lắp đặt được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm hợp đồng đã được hoàn thành tại ngày lập bảng cân đối kế toán hoặc được ghi nhận theo khối lượng công việc hoàn thành khi mà kết quả công việc hoàn thành có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

(d) Doanh thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("BCC")

Doanh thu được ghi nhận khi BCC công bố chia lãi cho các bên tham gia BCC.

(e) Doanh thu từ cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo thời hạn thuê đã được nêu trong hợp đồng thuê văn phòng.

(f) Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư

Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi bán. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức từ các khoản đầu tư và được ghi nhận khi quyền của cổ đông đối với việc nhận khoản lợi tức này được thiết lập.

(g) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.15 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.16 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông sau khi đã được Đại hội Đồng Cổ Đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định hiện hành tại Việt Nam. Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số ước tính về lợi nhuận trong năm sau khi được Hội đồng Quản trị phê chuẩn. Cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong năm kế tiếp khi được cổ đông phê duyệt trong Đại hội Đồng Cổ Đông hàng năm.

2.17 Quỹ Đầu tư và Phát triển và Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ Dự phòng tài chính được trích lập theo tỷ lệ bằng 5% từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty. Số dư của quỹ tại bất cứ thời điểm nào không được vượt quá 10% vốn điều lệ. Quỹ được sử dụng để bù đắp những thiệt hại lớn về mặt tài chính mà Nhóm Công ty REE có thể bị rủi ro.

Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức sẽ được chuyển vào Quỹ Đầu tư và Phát triển căn cứ theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Quỹ này được sử dụng cho mục đích tài trợ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.18 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và các công ty con. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy . Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại Công ty, dựa trên mức lương tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

2.21 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận kinh doanh là một nhóm tài sản và hoạt động được huy động cho quá trình sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp khi tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh doanh khác.

2.22 Cổ phiếu ngân quỹ

Khi Công ty và các công ty con mua lại cổ phiếu của chính Công ty, số tiền thực trả bao gồm chi phí tăng thêm trừ đi thuế thu nhập phát sinh được ghi nhận âm vào vốn chủ sở hữu dưới dạng là cổ phiếu ngân quỹ cho đến khi chúng được hủy. Nếu cổ phiếu ngân quỹ sau đó được bán đi hoặc tái phát hành thì số tiền thu được sẽ ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Tiền mặt	827.380	912.260
Tiền gửi ngân hàng	317.524.933	169.643.270
Tổng cộng	318.352.313	170.555.530

4. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Eximbank	63.000.000	-
Vietcombank	50.000.000	-
FPT	34.389.259	-
Germadept	24.175.045	-
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Minh Phú	17.142.750	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	17.364.706	-
Savimex	10.924.085	-
EIS	5.000.000	5.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	10.743.185	5.780.000
	232.739.030	10.780.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.000.000)	(3.750.000)
Tổng cộng	227.739.030	7.030.000

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn cuối năm là các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty đã niêm yết hoặc chưa được niêm yết. Các khoản đầu tư này nằm trong danh mục các khoản đầu tư được nắm giữ với dự định sẽ bán trong tương lai gần. Dự phòng giảm giá được lập dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng sinh lời của các công ty mà Nhóm Công ty REE đã đầu tư.

(b) Các khoản đầu tư vào công ty liên kết & liên doanh:

		Tỉ lệ cổ phần nắm giữ (ĐVT: %)		Giá trị khoản đầu tư trong báo cáo Nhóm Công ty REE (ĐVT: 1.000 Đồng)	
	Hoạt động chính	2006	2005	2006	2005
CÔNG TY LIÊN KẾT					
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	Tư vấn, thương mại, xây dựng	23	22	8.946.000	6.009.000
Công ty Năng lượng REE	Xây dựng , và vận hành trạm phát hành điện	33	-	300.000	-
LIÊN DOANH					
Tòa nhà 41 Lý Thái Tổ, Hà Nội	Cho thuê VP	40	40	783.040	870.044
Tổng cộng				10.029.040	6.879.044

Khoản đầu tư cổ phần trong Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn và Công ty Năng Lượng REE được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Phương pháp này chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, theo đó việc hạch toán các khoản đầu tư trong các công ty liên kết phải theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị khoản vốn góp trong công ty liên kết bao gồm giá trị khoản vốn góp theo giá gốc và phần lãi hoặc lỗ từ công ty liên kết theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ tính từ ngày mua khoản đầu tư. Công ty không thể áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư này do thiếu các thông tin tài chính cập nhập từ công ty liên kết. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng tác động của việc điều chỉnh, nếu áp dụng đúng theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư này, là không đáng kể.

Khoản đầu tư tại Tòa nhà 41 Lý Thái Tổ là khoản vốn góp trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") giữa Công ty và Cục Đối ngoại Bộ Quốc phòng. Hợp đồng này liên quan đến việc xây dựng một tòa nhà sáu tầng tại Hà Nội và tòa nhà này đã được hoàn thành trong năm 1995. Công ty thực hiện phân bổ dần giá trị vốn góp liên doanh vào báo cáo hoạt động kinh doanh trong vòng 16 năm tính từ năm 1999. Lãi từ hợp đồng liên doanh này được tính và chia hai lần một năm theo tỷ lệ vốn góp của hai bên. Cách thức hạch toán trên chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 08 – Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh, theo đó việc hạch toán các khoản đầu tư trong các liên doanh phải theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo hợp nhất. Công ty không thể áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư này do thiếu các thông tin tài chính cập nhập từ công ty liên doanh. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng tác động của việc điều chỉnh, nếu áp dụng đúng theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư này, là không đáng kể.

(c) Đầu tư dài hạn khác

ĐVT: 1.000 đồng	Chú thích	2006	2005
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín		114.988.136	93.340.200
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	(i)	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông	(i)	-	11.250.000
Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Thủ Đức		27.138.387	10.917.387
Các khoản đầu tư khác	(ii)	70.050.000	3.862.000
Tổng cộng		212.176.523	169.369.587

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phần vào các ngân hàng và các công ty đã niêm yết hoặc chưa niêm yết. Tại thời điểm các báo cáo tài chính hợp nhất này được phê chuẩn, Công ty chưa có dự định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

(i) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2006, các khoản đầu tư này được tái phân loại thành các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vì Ban Giám đốc có ý định sẽ bán các khoản đầu tư này trong năm 2007.

(ii) Bao gồm trong các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản tiền 70 tỷ đồng Việt Nam là tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại một ngân hàng ở Việt Nam. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất là 8,88%/năm nếu để đến ngày đáo hạn là ngày 5 tháng 1 năm 2008. Nếu khoản tiền gửi này được rút trước ngày đáo hạn thì sẽ hưởng lãi suất theo như quy định trong hợp đồng tiền gửi.

5. Các khoản phải thu khác

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Tạm ứng	5.284.617	1.914.754
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	896.857	914.208
Cổ tức và tiền lãi phải thu	-	8.805.093
Phải thu khác	4.021.850	3.002.680
Tổng cộng	10.203.324	14.636.735

6. Hàng tồn kho

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Hàng mua đang đi trên đường	1.717.542	23.963.157
Nguyên vật liệu tồn kho	32.804.071	19.909.305
Công cụ, dụng cụ trong kho	96.488	53.560
Chi phí SXKD dở dang	46.376.384	58.747.283
Thành phẩm tồn kho	19.725.768	27.993.644
Hàng hóa tồn kho	-	1.945.899
Hàng gửi đi bán	-	400.390
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.094.657)	(3.777.707)
Tổng cộng	96.625.596	129.235.531

7. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	250.068	-

8. Tài sản cố định

(a) Tài sản cố định hữu hình

ĐVT: 1.000 đồng	Nhà và vật kiến trúc	Nhà xưởng, máy móc, thiết bị	Xe cộ	Thiết bị văn phòng	Tài sản Khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	29.504.686	9.875.326	6.675.055	5.369.473	712.583	52.137.123
Mua sắm mới	-	3.011.305	2.074.626	1.332.780	-	6.418.711
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.215.608)	-	-	-	-	(7.215.608)
Phân loại lại	-	(98.730)	(11.640)	110.370	-	-
Giảm	(335.806)	(7.102.329)	(2.695.498)	(682.606)	-	(10.816.239)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	21.953.272	5.685.572	6.042.543	6.130.017	712.583	40.523.987
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	12.931.190	6.817.478	4.189.805	3.551.411	534.439	28.024.323
Khấu hao trong năm	648.173	1.998.954	974.576	1.453.552	148.456	5.223.711
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.325.699)	-	-	-	-	(1.325.699)
Giảm	(84.798)	(5.843.238)	(1.618.108)	(553.075)	-	(8.099.219)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	12.168.866	2.973.194	3.546.273	4.451.888	682.895	23.823.116
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	16.573.496	3.057.848	2.485.250	1.818.062	178.144	24.112.800
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	9.784.406	2.712.378	2.496.270	1.678.129	29.688	16.700.871

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết là 14.408.026.000 đồng Việt Nam (Năm 2005: 11.351.739.000 đồng Việt Nam).

(b) Tài sản cố định vô hình

ĐVT: 1.000 đồng	Quyền sử dụng đất
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006 và ngày 31 tháng 12 năm 2006	3.264.576
KHẤU HAO LŨY KẾ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006 và ngày 31 tháng 12 năm 2006	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006 và ngày 31 tháng 12 năm 2006	3.264.576

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Tại ngày 1 tháng 1	34.142.191	10.861.889
Tăng	155.523.752	34.108.744
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(26.033.821)	(8.894.873)
Khác	(2.711.147)	(1.933.569)
Tại ngày 31 tháng 12	160.920.975	34.142.191

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đến các dự án chủ yếu sau:

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Tòa nhà E-town 2	155.559.160	17.010.399
Tòa nhà số 366 Nguyễn Trãi, Q.5	-	14.246.004
Tòa nhà số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4	248.434	1.199.034
Các dự án khác	5.113.381	1.686.754
Tổng cộng	160.920.975	34.142.191

(*) Tòa nhà etown 2 là một tòa nhà Văn phòng cho thuê. Công trình đã được khởi công xây dựng năm 2005. Tòa nhà dự kiến sẽ hoàn tất và sẵn sàng cho thuê trong tháng 3 năm 2007.

(*)Tòa nhà số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4 ban đầu dự tính xây dựng căn hộ. Trong năm 2006, Ban Giám đốc đã thay đổi dự định chuyển thành dự án tòa nhà văn phòng cho thuê. Do đó, chi phí phát sinh 875.595.000 đồng Việt Nam liên quan đến dự án ban đầu đã được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Bất động sản đầu tư

ĐVT: 1.000 đồng	Nhà và vật kiến trúc	Nhà xưởng và máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	207.607.386	12.914.952	215.692	220.738.030
Mua sắm mới	-	34.295	-	34.295
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	7.215.608	-	-	7.215.608
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	26.033.821	-	-	26.033.821
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	240.856.815	12.949.247	215.692	254.021.754
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	30.621.704	4.371.274	125.111	35.118.089
Khấu hao trong năm	10.475.089	2.767.994	33.822	13.276.905
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.325.699	-	-	1.325.699
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	42.422.492	7.139.268	158.933	49.720.693
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	176.985.682	8.543.678	90.581	185.619.941
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	198.434.323	5.809.979	56.759	204.301.061

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết là 71.348.000 đồng Việt Nam (Năm 2005: không).

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà văn phòng dùng để cho thuê sau đây:

- Tòa nhà E-town – 364 Cộng Hòa, Q.Tân Bình, TP. HCM;
- Tòa nhà E-town EW – 364 Cộng Hòa, Q.Tân Bình, TP. HCM;
- Tòa nhà Maison Pasteur – 180 Pasteur, Quận 1, TP. HCM;
- Tòa nhà IDC – 163 Hai Bà Trưng, Quận 3, TP. HCM;
- Tòa nhà 366 Nguyễn Trãi, Quận 5, TP. HCM.

10. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Vay ngắn hạn	38.393.964	40.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	20.400.000	20.400.000
Tổng cộng	58.793.964	60.400.000

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm:

- Hạn mức vay 24 tỷ đồng Việt Nam và khoản thấu chi 2,4 tỷ đồng Việt Nam đã được Công ty ký kết với một ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tai Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay sẽ được hoàn trả theo thời gian thỏa thuận giữa Công ty và ngân hàng tại ngày giải ngân và chịu lãi suất là chi phí huy động vốn của đồng Việt Nam cộng 1,5%/năm đối với các khoản giải ngân bằng đồng Việt Nam và lãi suất SIBOR 3 tháng cộng 1,5%/năm đối với các khoản giải ngân bằng đồng đô la Mỹ. Khoản vay này không có thế chấp.

- Ngày 29 tháng 5 năm 2006, Công ty ký kết hạn mức vay 30 tỷ đồng Việt Nam với một ngân hàng trong nước cho khoảng thời gian vay là một năm. Khoản vay này chịu lãi suất là 0,85%/tháng đối với các khoản giải ngân bằng đồng Việt Nam và lãi suất SIBOR 3 tháng cộng 1,5%/năm đối với các khoản giải ngân bằng đô la Mỹ. Khoản vay này không có thế chấp.

- Ngày 30 tháng 5 năm 2006, Công ty ký kết hạn mức vay 31,7 tỷ đồng Việt Nam với một ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay sẽ được hoàn trả theo thời gian thỏa thuận giữa Công ty và ngân hàng tại ngày giải ngân và chịu lãi suất là chi phí huy động vốn của đồng Việt Nam cộng 1,5%/năm đối với các khoản giải ngân bằng đồng Việt Nam và lãi suất SIBOR 3 tháng cộng 1,5%/năm đối với các khoản giải ngân bằng đồng đô la Mỹ. Khoản vay này không có thế chấp.

(b) Vay dài hạn

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Các khoản vay dài hạn	79.435.508	64.300.000
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(20.400.000)	(20.400.000)
Tổng cộng	59.035.508	43.900.000

Các khoản vay dài hạn bao gồm:

- Ngày 6 tháng 2 năm 2002, Công ty đã ký một thỏa thuận vay 100 tỷ đồng Việt Nam với một ngân hàng trong nước để tài trợ việc xây dựng tòa nhà E-town.

  Thời hạn của khoản vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu là ngày 12 tháng 4 năm 2002. Khoản vay được hoàn trả hàng tháng với số tiền là 1,7 tỷ đồng Việt Nam mỗi tháng bắt đầu từ ngày 30 tháng 4 năm 2004.

  Khoản vay này không phải thế chấp, nhưng Công ty không được dùng tòa nhà E-town để thế chấp cho bất kỳ một khoản vay nào khác ngoại trừ khi được ngân hàng chấp thuận bằng văn bản. Khoản vay chịu lãi suất 0,65%/tháng trong năm đầu tiên và được tính bằng lãi suất dài hạn của ngân hàng trừ đi 0,1% trong những năm tiếp theo.

- Ngày 28 tháng 8 năm 2006, Công ty đã ký một thỏa thuận với một ngân hàng trong nước cho khoản vay 100 tỷ đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng tòa nhà E-town 2.

  Thời hạn khoản vay là 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên là ngày 4 tháng 10 năm 2006. Khoản vay được trả hằng quý theo kế hoạch trả nợ do ngân hàng ấn định sau thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

  Khoản vay không có thế chấp nhưng ngân hàng được thụ hưởng các quyền lợi bảo hiểm liên quan đến tài sản hình thành từ khoản vay. Khoản vay chịu lãi suất là lãi suất tiền gửi 12 tháng công bố bởi ngân hàng cộng 0,2%/tháng cho các khoản giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 1,85%/năm đối với các khoản giải ngân bằng đồng đô la Mỹ.

11. Dự phòng các khoản nợ khác

ĐVT: 1.000 đồng	Bảo hành
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	693.905
Ghi nhận vào thu nhập:	
• Dự phòng tăng	1.087.154
• Hoàn nhập khoản dự phòng không sử dụng hết	(242.798)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	1.538.261

Phân tích tổng dự phòng:

ĐVT: 1.000 đồng	2006
Ngắn hạn	974.023
Dài hạn	564.238
Tổng cộng	1.538.261

Dự phòng cho bảo hành được lập trên cơ sở là 0,5% của giá trị các hợp đồng vẫn đang trong thời gian được bảo hành.

12. Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.817.465	2.996.785
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.243.247	827.908
Thuế xuất, nhập khẩu	34.158	449.887
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	38.043.918	2.869.809
Các loại thuế khác	553.480	583.973
Tổng cộng	52.692.268	7.728.362

13. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	200.557	580.224
Chi phí hoa hồng phải trả	329.347	1.153.736
Cổ tức phải trả	1.910.733	1.622.199
Phải trả cho thực hiện công việc cung cấp và lắp đặt	36.902.973	3.832.910
Các khoản phải trả khác	5.172.228	2.924.122
Tổng cộng	44.515.838	10.113.191

14. Thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết số dư thuế thu nhập hoãn lại như sau:

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	1.167.635	-
Tổng cộng	1.167.635	-

Biến động gộp của tài khoản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Tại ngày 1 tháng 1	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1.167.635	-
Tại ngày 31 tháng 12	1.167.635	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho; chi phí khấu hao của một số tài sản cố định và doanh thu/ chi phí ước tính hợp đồng M&E.

15. Vốn góp của chủ sở hữu

ĐVT: 1.000 đồng	Số cổ phiếu đang lưu hành	Vốn cổ phần phổ thông
Tại ngày 1 /1 / 2005	22.500.000	225.000.000
Tăng do phát hành cổ phiếu mới	5.715.524	57.155.240
Tại ngày 31 / 12 / 2005	28.215.524	282.155.240
Tăng do phát hành cổ phiếu mới	5.588.819	55.888.190
Tại ngày 31 / 12 / 2006	33.804.343	338.043.430

Mệnh giá cổ phiếu của Công ty là 10.000 đồng.

Cổ phiếu mới phát hành trong năm bao gồm:

- 5.549.410 cổ phiếu được phát hành ra công chúng; và
- 39.409 cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo Chương trình Cổ phiếu Thưởng Nhân viên.

16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

ĐVT: 1.000 đồng	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ phúc lợi, khen thưởng
Tại ngày 1 / 1 / 2005	225.000.000	-	-	26.200.420	13.760.885	43.840.797	1.037.450
Vốn tăng trong năm	57.155.240	118.294.763	(28.913)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	67.848.835	-
Chia cổ tức	-	-	-			(34.274.684)	
Trích lập quỹ	-	-	-	15.964.455	2.394.487	(21.203.148)	3.592.644
Các khoản khác	-	-	-	-	-	-	5.654
Sử dụng quỹ	-	(2.550.000)	-	(179.668)	-	-	(4.794.440)
Tại ngày 31 / 12 /2005	282.155.240	115.744.763	(28.913)	41.985.207	16.155.372	56.211.800	(158.692)
Vốn tăng trong năm	55.888.190	336.527.482	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	222.430.348	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(39.611.502)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	26.397.771	3.167.686	(32.461.679)	2.896.222
Các khoản khác	-	-	-	-	3.766	-	80.927
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.818.457)
Tại ngày 31 /12 /2006	338.043.430	452.272.245	(28.913)	68.382.978	19.326.824	206.568.967	-

Thặng dư vốn cổ phần thể hiện khoản tiền vượt trội thu được từ việc phát hành cổ phiếu mới so với mệnh giá cổ phiếu.

17. Cổ tức

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:

- Cổ tức cổ phiếu thường: 30.350.116.000 đồng Việt Nam.
- Cổ tức cổ phiếu thưởng nhân viên: 71.115.000 đồng Việt Nam.

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ:

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	222.430.348	67.848.835
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	29.177	23.870
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng Việt Nam)	7.624	2.842

19. Doanh thu

(a) Doanh thu thuần

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
DOANH THU		
Doanh thu bán hàng	176.399.836	218.251.097
Doanh thu từ hợp đồng M&E	541.244.873	84.074.828
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	104.802.633	84.617.168
Doanh thu khác	12.006.545	12.740.967
Cộng	834.453.887	399.684.060
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ		
Hàng bán bị trả lại	(41.157)	(300.724)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(10.271.846)	(12.026.403)
Cộng	(10.313.003)	(12.327.127)
TỔNG CỘNG	824.140.884	387.356.933

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Lãi tiền gửi	7.166.820	4.504.506
Lãi đầu tư trái phiếu	3.000.000	-
Cổ tức	2.141.303	12.515.584
Lãi từ bán/thanh lý các khoản đầu tư	142.059.660	480.000
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	567.740	782.555
Tổng cộng	154.935.523	18.282.645

20. Giá vốn hàng bán

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Chi phí nguyên vật liệu	408.439.737	210.926.438
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	679.127	(1.589.679)
Chi phí nhân công	28.383.501	21.599.256
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.215.945	12.896.273
Các chi phí thuê ngoài	152.784.872	5.249.299
Tổng cộng	607.503.182	249.081.587

21. Chi phí tài chính

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Chi phí lãi vay	10.856.483	7.552.690
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.250.000	1.250.000
Phí môi giới thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	78.000
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	652.656	554.539
Tổng cộng	12.759.139	9.435.229

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.773.600	1.517.558
Chi phí nhân viên	15.646.011	16.063.247
Chi phí tiện ích	12.378.565	11.470.664
Chi phí thuê	3.175.998	323.395
(Hoàn nhập)/dự phòng nợ khó đòi	(1.659.582)	4.694.600

23. Thu nhập và chi phí khác

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
THU NHẬP KHÁC		
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	2.749.178	918.773
Tiền thu do khách hàng vi phạm hợp đồng	2.024.178	-
Tiền thu từ nhà cung cấp do chậm giao hàng	407.340	-
Thu nhập khác	725.536	509.771
Tổng cộng	5.906.232	1.428.544
CHI PHÍ KHÁC		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(2.717.020)	(6.953.296)
Xóa sổ chi phí liên quan đến Tòa nhà số 9 Đoàn Văn Bơ, Q. 4	(862.338)	-
Chi phí khác	(141.509)	(125.084)
Tổng cộng	(3.720.867)	(7.078.380)
Thu nhập/(chi phí) khác – Số thuần	2.185.365	(5.649.836)

24. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 28% trên lợi nhuận chịu thuế cho tất cả các hoạt động ngoại trừ hoạt động cho thuê văn phòng được miễn giảm theo Giấy phép Ưu đãi Đầu tư còn hiệu lực như trình bày dưới đây.

Theo Công văn số 3558/UB-KT ngày 8 tháng 10 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động cho thuê nhà văn phòng E-town. Sự ưu đãi này là Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động này trong năm đầu tiên là năm 2004 và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo tính từ năm 2005.

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Lợi nhuận kế toán trước thuế	298.999.560	80.971.554
Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp	78.110.808	11.683.013
Thu nhập không chịu thuế	(2.461.915)	(402.356)
Chi phí không được khấu trừ	1.748.693	1.748.190
Chuyển lỗ tính thuế	(102.766)	-
Dự phòng thiếu/(thừa) của năm trước	342.519	(57.420)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	77.637.339	12.971.427

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

25. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty như sau:

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Thù lao	320.000	164.000
Thưởng hoàn thành kế hoạch năm	-	120.680
Cộng	320.000	284.680
BAN GIÁM ĐỐC		
Tiền lương	672.000	698.640
Thưởng hoàn thành kế hoạch năm	-	224.526
Cộng	672.000	923.166
TỔNG CỘNG	992.000	1.207.846

26. Thông tin bộ phận

Kết quả bộ phận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	Cung cấp & lắp đặt M&E	Kinh doanh	Dịch vụ và bất động sản cho thuê	Hoạt động đầu tư	Hoạt động khác	Hợp nhất
DOANH THU						
Tổng doanh thu	709.869.367	282.812.827	113.764.279	154.275.542	14.763.368	1.275.485.383
Doanh thu giữa các bộ phận	(165.158.488)	(109.879.631)	(5.811.603)	(6.506.839)	-	(287.356.561)
Loại trừ lãi chưa thực hiện	-	(250.112)	-	-	-	(250.112)
Doanh thu	544.710.879	172.683.084	107.952.676	147.763.368	14.763.368	987.878.710
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	54.506.740	31.492.176	65.111.826	139.114.730	12.463.751	302.689.223
Chi phí lãi vay						(10.856.483)
Lãi tiền gửi						7.166.820
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(76.469.704)
Lợi ích cổ đông thiểu số						(99.508)
Lợi nhuận trong năm						222.430.348

Kết quả bộ phận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	Cung cấp & lắp đặt M&E	Kinh doanh	Dịch vụ và bất động sản cho thuê	Hoạt động đầu tư	Hoạt động khác	Hợp nhất
DOANH THU						
Tổng doanh thu	152.700.910	204.415.425	97.308.825	19.531.880	5.592.154	479.549.194
Doanh thu giữa các bộ phận	(35.984.330)	(17.709.336)	(4.626.678)	(5.753.741)	-	(64.074.085)
Loại trừ lãi chưa thực hiện	-	(584.365)	-	-	-	(584.365)
Doanh thu	116.716.580	186.121.724	92.682.147	13.778.139	5.592.154	414.890.744
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	4.562.011	14.456.938	57.929.780	11.895.600	(4.824.591)	84.019.738
Chi phí lãi vay						(7.552.690)
Lãi tiền gửi						4.504.506
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(12.971.427)
Lợi ích cổ đông thiểu số						(151.292)
Lợi nhuận trong năm						67.848.835

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	Cung cấp & lắp đặt M&E	Kinh doanh	Dịch vụ và bất động sản cho thuê	Hoạt động đầu tư	Hoạt động khác	Hợp nhất
Tài sản bộ phận	215.521.849	62.503.571	422.301.375	720.459.129	3.314.651	1.424.100.575
Tài sản không thể phân bổ						88.514.554
Tổng tài sản						1.512.615.219
Nợ bộ phận	235.046.733	37.742.644	114.310.764	-	300.839	387.400.980
Nợ không thể phân bổ						39.847.248
Tổng nợ						427.248.228

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 như sau:

	Cung cấp & lắp đặt M&E	Kinh doanh	Dịch vụ và bất động sản cho thuê	Hoạt động đầu tư	Hoạt động khác	Hợp nhất
Tài sản bộ phận	82.168.906	117.388.553	256.290.443	344.083.524	-	799.931.426
Tài sản không thể phân bổ						33.771.298
Tổng tài sản						833.702.724
Nợ bộ phận	149.053.485	29.384.914	89.335.956	40.000.000	-	307.774.355
Nợ không thể phân bổ						13.292.657
Tổng nợ						321.067.012

27. Cam kết vốn

Các cam kết về chỉ tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

ĐVT: 1.000 đồng	2006	2005
Bất động sản đầu tư	47.894.572	51.810.401

28. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị ròng từ hoạt động kinh doanh và phần giá trị thuần của tài sản thuần của các công ty con tính trên tỷ lệ cổ phần không do Công ty nắm giữ.

Báo cáo tài chính đã được Hội Đồng Quản trị duyệt
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2007

Hồ Trần Diệu Lynh	Nguyễn Thị Mai Thanh
Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH – REE

TRỤ SỞ CHÍNH

364 Cộng Hòa, Phường 13,
Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.
ĐT: 84-8-8100017 – 8100350
Fax: 84-8-8100337
Email: ree@reecorp.com.vn
Website: www.reecorp.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

41B Lý Thái Tổ,
Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.
ĐT: 84-4-8252300
Fax: 84-4-8250463
Email: reehn@fpt.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐÀ NẴNG

208 Hùng Vương, Q. Hải Châu,
TP. Đà Nẵng.
ĐT: 84-511-837378
Fax: 84-511-866252
Email: reedn@dng.vnn.vn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh
Chủ tịch

Ông Dominic Scriven
Phó Chủ tịch

Bà Giao Thị Yến
Thành viên

Ông Quách Vĩnh Bình
Thành viên

Ông Don Lam
Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ông Quách Vĩnh Bình
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Trần Văn Thành
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lục Chánh Trường
Giám đốc Điều hành

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC

Công Ty TNHH Quản Lý và Khai Thác Bất Động Sản R.E.E
Tầng lửng, Tòa nhà etown
364 Cộng Hòa, Phường 13,
Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.
ĐT: 84-8-8104462
Fax: 84-8-8106816
Email: sales@etown.com.vn
Website: www.etown.com.vn
Giám đốc: **Ông Phạm Văn Bé**

Công Ty TNHH Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E
364 Cộng Hòa, Phường 13
Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.
ĐT: 84-8-8100017
Fax: 84-8-8100337
Email: ree@reecorp.com.vn
Website: www.reecorp.com
Giám đốc: **Ông Trương Trọng Giảng**

Công Ty TNHH Điện Máy R.E.E
Lô I-4 Đường số 11, Nhóm CNI
Khu Công nghiệp Tân Bình
Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú
TP.Hồ Chí Minh.
ĐT: 84-8-8164207
Fax: 84-8-8164209
Email: info@reetech.com.vn
Website: www.reetech.com.vn
Giám đốc: **Ông Trần Trọng Quí**

Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh
180 Pasteur, Phường Bến Nghé
Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
ĐT: 84-8-8236788
Fax: 84-8-8236799
Email: vector@vector.com.vn
Giám đốc: **Ông Võ Phùng Thuận**

Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản R.E.E
364 Cộng Hòa, Phường 13
Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.
ĐT: 84-8-8100017
Fax: 84-8-8100337
Email: ree@reecorp.com.vn
Website: www.reecorp.com
Giám đốc: **Ông Phạm Quốc Thắng**

CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công Ty TNHH Pricewaterhouse Coopers (Việt Nam)
Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 84-8-8230796 - Fax: 84-8-8251947